

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 08/CT-UBND

Phú Thọ, ngày 19 tháng 8 năm 2014

CHỈ THỊ

Về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các chủ đầu tư, chủ dự án triển khai lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 theo các quy định như sau:

A. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Căn cứ Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, kế hoạch đầu tư phát triển các năm 2011 - 2015, các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực; trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2011 - 2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến năm 2015, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các chủ đầu tư, chủ dự án đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 của ngành, địa phương, đơn vị quản lý phân theo từng nguồn vốn cụ thể, bao gồm: nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn ngân sách trung ương và vốn cân đối ngân sách địa phương); nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa cân đối vào ngân sách nhà nước (nguồn thu xổ số kiến thiết, các khoản thu phí, lệ phí để lại cho đầu tư,...); vốn trái phiếu Chính phủ; vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; vốn vay khác của ngân sách địa phương; vốn ODA. Trong báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 cần phân tích sâu các nội dung sau:

1. Tình hình triển khai thực hiện các chương trình, dự án theo từng nguồn vốn so với kế hoạch được duyệt, bao gồm: tình hình phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn hàng năm, triển khai thực hiện, kết quả giải ngân, hoàn trả các khoản vốn ứng trước, xử lý nợ đọng XDCB; số dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu; số dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt; số dự án dừng triển khai, giãn hoãn tiến độ; tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư các thành phần kinh tế khác để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công.

2. Cơ cấu đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình; việc lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trong giai đoạn 2011 - 2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công trong giai đoạn 2011 - 2015, trong đó làm rõ việc quản lý, điều hành và chấp hành các

quy định trong quản lý đầu tư công trước và sau thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011.

4. Các kết quả đã đạt được về: năng lực tăng thêm trong các ngành, lĩnh vực; chất lượng dịch vụ công, những tác động của đầu tư công đối với thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 của mỗi ngành, địa phương; việc quản lý và sử dụng các công trình, dự án đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

5. Những khó khăn, vướng mắc và các tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện; phân tích làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan; trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

6. Đề xuất các giải pháp, kiến nghị về cơ chế, chính sách đến hết kế hoạch 5 năm 2011 - 2015.

II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các chủ đầu tư, chủ dự án tổ chức lập kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 nguồn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước; vốn trái phiếu Chính phủ; vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; vốn trái phiếu chính quyền địa phương; vốn vay khác của ngân sách địa phương; vốn ODA theo các quy định dưới đây:

1. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn theo từng nguồn vốn:

1.1. Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 theo từng nguồn vốn quy định tại mục I, phần A nêu trên.

1.2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, ngành, lĩnh vực và địa phương; mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, ngành, lĩnh vực và địa phương (trong điều kiện chưa có kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì căn cứ vào dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của các cấp).

1.3. Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 của cả nước; kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành, lĩnh vực.

1.4. Các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

1.5. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn và theo ngành, lĩnh vực, chương trình, đề án.

1.6. Về cân đối nguồn vốn đầu tư công: Dự kiến cân đối các nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

a) Vốn đầu tư từ NSNN:

- Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) dự kiến tăng bình quân 10%/năm so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao.

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách của các địa phương (không bao gồm tiền thu sử dụng đất): trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước phân đầu tăng khoảng 10%, trong các năm sau phân đầu tăng bình quân hàng năm khoảng 7 - 10% so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Đối với vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương: phân đầu tốc độ tăng đạt 12 - 15%/năm so với kế hoạch năm trước.

c) Vốn trái phiếu Chính phủ: Thực hiện theo kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ bổ sung giai đoạn 2014 - 2016 đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

d) Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước: dự kiến tốc độ tăng trưởng khoảng 8%/năm so với kế hoạch năm trước.

e) Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): căn cứ các hiệp định, các cam kết và dự kiến khả năng giải ngân các nguồn vốn của các nhà tài trợ trong giai đoạn 2016 - 2020 để lập kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn này.

f) Các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương: không vượt quá tổng mức huy động theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

1.7. Dự báo tác động của tình hình thế giới, trong nước đến sự phát triển và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư.

1.8. Các cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020

2.1. Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

2.2. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác; bảo đảm các cân đối lớn, ưu tiên an toàn nợ công.

2.3. Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 do cấp có thẩm quyền quyết định.

2.4. Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các ngành, địa phương; hoàn trả các khoản vốn ngân sách nhà nước ứng trước kế hoạch; các khoản vốn vay.

2.5. Không bố trí vốn cho công trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

2.6. Ưu tiên bố trí vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2015 và kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020.

2.7. Đối với việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, trong bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 phân đầu thanh toán cơ bản các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014. Từ năm 2015 trở đi, các cấp, các ngành phải

quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, không để phát sinh thêm nợ đọng xây dựng cơ bản.

2.8. Trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020, bố trí dự phòng khoảng 15% để xử lý các biến cố do trượt giá, đầu tư các dự án khẩn cấp, các vấn đề phát sinh theo quy định của Luật Đầu tư công trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn vào từng năm cụ thể.

2.9. Đảm bảo công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2.10. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

3. Rà soát danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 chuyển tiếp và các dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020

3.1. Rà soát danh mục dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ vốn đầu tư công:

- Các dự án thuộc đối tượng rà soát là các dự án đang được đầu tư trong kế hoạch đầu tư công đã được duyệt, được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư;

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các chủ đầu tư tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án đang đầu tư theo từng nguồn vốn; chia theo nhóm các dự án: (1) Danh mục dự án hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn; (2) Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015; (3) Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020; (4) Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2020.

3.2. Rà soát danh mục các dự án khởi công mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực (01/01/2015) nhưng chưa được bố trí vốn:

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các chủ đầu tư tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án theo từng nguồn vốn phân loại như sau:

- Dự án đã có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn giai đoạn 2016 - 2020 để thực hiện;

- Dự án vốn chưa có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. (Đối với các dự án này, phải thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công).

3.3. Danh mục các dự án khởi công mới chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực:

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các chủ đầu tư lập danh mục và chuẩn bị các hồ sơ, thủ tục gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Xác định số vốn nợ xây dựng cơ bản đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các chủ đầu tư rà soát báo cáo chính xác tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án đầu tư công theo từng nguồn vốn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4.2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các chủ đầu tư để phát sinh các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi (sau thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành) bị xử lý vi phạm theo các quy định tại Luật Đầu tư công.

5. Lập danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 cho các dự án đầu tư công

5.1. Trên cơ sở các căn cứ và các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại điểm 1 và 2 của Mục II nêu trên, xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn của từng nguồn vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015.

- Vốn đối ứng cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA.

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 chuyển sang giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Dự án khởi công mới phải đáp ứng các quy định sau:

+ Xử lý thanh toán dứt điểm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014;

+ Được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công; đối với dự án đã phê duyệt trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực thì phải có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc đã được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn, cân đối vốn giai đoạn 2016 - 2020 để thực hiện. (Do Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, các cấp, ngành cần khẩn trương chuẩn bị các hồ sơ ngay trong năm 2014 đối với các dự án khởi công mới dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016 - 2020, để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư từ ngày 01 tháng 01 năm 2015);

+ Bảo đảm bố trí đủ vốn giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành công trình, dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

5.2. Đối với các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sử dụng vốn NSNN (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương); vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn đầu tư công khác nhưng không bố trí được kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, thực hiện rà soát phân loại và xử lý như sau:

- *Nhóm 1*: Đối với các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác:

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các chủ đầu tư tiến hành rà soát, đề xuất danh mục các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác, bao

gồm: các dự án có thể thu phí để hoàn vốn đầu tư; các dự án có thể thanh toán bằng quyền sử dụng đất; các dự án có thể bán hoặc chuyển nhượng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Việc chuyển đổi hình thức đầu tư phải có kế hoạch, chương trình tổ chức kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào từng dự án cụ thể. Đề xuất phương án xử lý số vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn vốn đầu tư công khác đã bố trí cho các dự án chuyển đổi theo hướng: Nhà nước rút toàn bộ vốn đã đầu tư vào dự án, hoặc góp phần vốn đã đầu tư cùng doanh nghiệp để tiếp tục đầu tư dự án và cùng khai thác, hoặc chuyển toàn bộ vốn đã đầu tư vào dự án cho chủ đầu tư mới.

- *Nhóm 2*: Đối với các dự án không thể chuyển đổi được sang các hình thức đầu tư khác, chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

- *Nhóm 3*: Các dự án đầu tư thật sự không cấp thiết, không hiệu quả thì không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020,

5.3. Đối với kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ:

- Tổng hợp danh mục các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ hoàn thành sau năm 2015, được bổ sung vốn giai đoạn 2014 - 2016.

- Thực hiện hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 5318/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014, các ngành và địa phương: Tổng hợp nhu cầu vốn trái phiếu Chính phủ để hoàn thành các dự án dở dang giai đoạn 2016-2020 (nếu có); lựa chọn một số dự án mới (không đề xuất nhiều dự án) trong giai đoạn 2017-2020 thực sự quan trọng, thúc đẩy sự phát triển chung và có tác động liên vùng, khu vực và đề xuất nhu cầu sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020 để báo cáo các Bộ, ngành Trung ương trình Chính phủ, Quốc hội cho chủ trương.

5.4. Đối với kế hoạch vốn trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vốn vay của ngân sách địa phương: việc bố trí vốn kế hoạch thực hiện theo quy định nêu trên (danh mục dự án phải thuộc danh mục các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương). Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020 nguồn vốn này phải phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư ngân sách địa phương 5 năm 2016 - 2020 và hoàn trả đúng hạn các khoản vốn vay.

B. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 VÀ XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Các các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (gọi tắt là chương trình mục tiêu) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện theo các nội dung dưới đây:

1. Tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015.

2. Tình hình phân bổ và giao vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2014; việc lồng ghép giữa các chương trình, huy động và lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chương trình trong giai đoạn 2011 - 2014 và dự kiến năm 2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011 - 2015.

4. Đánh giá những kết quả đạt được, trong đó làm rõ kết quả đạt được các mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện; nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

5. Đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện tốt mục tiêu của các chương trình đã đề ra đến hết kế hoạch 5 năm 2011 - 2015.

II. DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia: Giai đoạn 2016 - 2020 quy định chỉ thực hiện 2 chương trình mục tiêu quốc gia là Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Giao Sở Lao động, thương binh và xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương khẩn trương xây dựng mục tiêu, kế hoạch đầu tư trung hạn 2 chương trình này.

2. Đối với các chương trình mục tiêu: Giai đoạn 2016 - 2020 Thủ tướng Chính phủ giám sát tối đa số lượng chương trình mục tiêu theo hướng lồng ghép các chương trình có cùng mục tiêu, nhiệm vụ; trong từng ngành, lĩnh vực phê duyệt không quá 2 chương trình mục tiêu. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn, đồng thời phối hợp với các ngành, địa phương đề xuất kế hoạch đầu tư trung hạn các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020.

III. XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Từ nay đến hết năm 2015, tập trung chỉ đạo để hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng các dự án đầu tư dở dang; không triển khai thêm các dự án đầu tư mới. Trường hợp một số ít công trình, dự án dở dang vì lý do khách quan, chưa thể hoàn thành trong năm 2015, bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN và các nguồn vốn khác giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành dứt điểm dự án hoặc các hạng mục công trình quan trọng của dự án đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

2. Các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình chuyển sang nhiệm vụ thường xuyên và bố trí ngân sách trong cân đối của địa phương để thực hiện.

C. TIẾN ĐỘ, PHÂN CÔNG TỔ CHỨC TRIỂN KHAI LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

I. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Trước ngày 31 tháng 8 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành, thị lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

2. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị; các chủ đầu tư tổ chức lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét và hoàn chỉnh kế hoạch gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 10 năm 2014.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực UBND tỉnh thông qua, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. Từ tháng 02 đến tháng 4 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu với UBND tỉnh làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn ODA, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của tỉnh.

5. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành thị hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Tỉnh ủy và trình HĐND tỉnh xem xét theo quy định của Luật Đầu tư công và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2015.

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TIẾN ĐỘ ĐỀ XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Các sở, ban, ngành chủ trì các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình triển khai thực hiện giai đoạn 2011-2015; đề xuất kế hoạch đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 9 năm 2014 để tổng hợp, trình UBND tỉnh, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành chủ trì quản lý chương trình trước ngày 30 tháng 9 năm 2014.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì hướng dẫn việc triển khai thực hiện Chỉ thị và theo dõi, đôn đốc, báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

- Rà soát, tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn của toàn tỉnh 5 năm 2016 - 2020 báo cáo UBND tỉnh để trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương đúng thời gian quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất với UBND tỉnh các biện pháp xử lý đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 phải giãn tiến độ thực hiện.

- Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020, chủ trì phối hợp với Sở Tài chính xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 cho các ngành, các cấp trong tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh quyết định.

2. Sở Tài chính:

- Căn cứ các quy định của Trung ương, sớm xây dựng Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương, tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2016-2020 báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh thông qua để tính toán, xác định các nguồn thu, dự kiến cơ cấu chi ngân sách và các nguồn thu để lại cho đầu tư.

- Rà soát, tổng hợp các khoản vốn vay của tỉnh giai đoạn 2011-2015 (vốn tín dụng đầu tư, vốn vay kho bạc nhà nước, vốn ODA vay lại,...), xác định số kinh phí còn phải hoàn trả trong giai đoạn 2016-2020, trách nhiệm bố trí vốn trả nợ của các cấp ngân sách; làm cơ sở xác định nguồn vốn vay cho đầu tư giai đoạn 2016-2020.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định khả năng phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và các cân đối tài chính liên quan trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

- Hướng dẫn các địa phương tính toán xác định các nguồn thu, dự kiến cơ cấu chi ngân sách và các nguồn thu để lại cho đầu tư do các địa phương quản lý.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015, tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; các chủ đầu tư căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định tại Chỉ thị này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Nơi nhận:

- Văn phòng CP;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- MTTQ tỉnh, các Đoàn thể của tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
UBND huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, TH4 (Q.180b)

CHỦ TỊCH

Chu Ngọc Anh